

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 7 - 2021  
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hoa

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đậu Thị Bích Thủy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 102/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 3A, xã TT, huyện YT, tỉnh Nghệ An - có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Trương Công H, sinh năm 1989; nơi cư trú trước đây: Xóm 3A, xã TT, huyện YT, tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở Đài Loan; vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trương Công M, sinh năm 1958 và bà Thái Thị C, sinh năm 1956 – Đều vắng mặt;

Đều cư trú: Xóm 7, xã XT, huyện YT, tỉnh Nghệ An;

**NỘI D VU ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:* Chị và anh Trương Công H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT, huyện YT, tỉnh Nghệ An vào ngày 07/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau tại nhà riêng của vợ chồng tại xóm 3A, xã TT, huyện YT. Đến năm 2019, anh H làm thủ tục xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ năm 2019, anh H không quan tâm đến chị, không gửi tiền về cho chị và vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Từ đó đến nay chị không biết tin tức gì của anh H, cũng không biết địa chỉ của anh H ở Đài Loan. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Công H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Hà T, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Trương Công B, sinh ngày 20/6/2015. Tại Đơn xin ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản tự khai ngày 10/4/2021 và Biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2021, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trương Hà T; còn cháu Trương Công B để cho anh H và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/7/2021, chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện và có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Trương Công H:* Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Trương Công H vắng mặt. Chị Nguyễn Thị D không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh H cư trú, chị chỉ biết anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh H thông qua ông Trương Công M và bà Thái Thị C (là bố mẹ đẻ của anh H). Đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh H liên quan đến nội D giải quyết vụ án.

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Công M và bà Thái Thị C trình bày:* Anh Trương Công H là con đẻ của ông bà. Anh H hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Chị D và anh H kết hôn với nhau vào năm 2011. Vợ chồng chị D, anh H có 02 con chung là cháu Trương Hà T, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Trương Công B, sinh ngày 20/6/2015. Ông bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu từ tháng 7/2019 đến nay do chị D cũng đi làm ăn xa. Thời gian ở nước ngoài, anh H thường xuyên liên lạc về với ông bà nhưng ông bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H. Ông bà đã thông báo cho anh H biết về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị D và anh H. Anh H cho ông bà biết chị D xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giao các con chung là Trương Hà T và Trương Công B cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh H không cho ông bà biết địa chỉ của anh tại Đài Loan. Nếu chị D, anh H ly hôn, ông bà có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Trương Hà T và Trương Công B, khi nào anh H về nước sẽ giao lại các cháu cho anh H nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H, chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu: Lúc đầu ông M, bà C yêu cầu chị D, anh H phải trả cho ông bà tiền công từ tháng 7/2019 đến tháng 6/2021 là 48 triệu đồng. Nhưng ngay sau đó, ông bà thay đổi lời khai và không yêu cầu anh H, chị D trả tiền công chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho ông bà nữa.

Cháu Trương Hà T cho biết cháu đang học lớp 4C trường tiểu học Tăng Thành. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Trương Công H đã được bố đẻ của mình cung cấp các văn bản tố tụng, các thông tin về việc chị Nguyễn Thị D xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Về nội D: Xét thấy anh Trương Công H và chị Nguyễn Thị D có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An vào năm 2011, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Anh H và chị D có mâu thuẫn với nhau từ năm 2019 và cắt đứt mọi quan hệ, không còn liên lạc với nhau từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trương Công H. Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Trương Hà T và Trương Công B cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Trương Công H không phải đóng góp phí tổn nuôi con do chị D không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét; chị Nguyễn Thị D và anh Trương Công H có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Trương Công H; trong đó chị D và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại xóm 3A, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; bị đơn anh Trương Công H đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay Nội Bài lần cuối là ngày 27/02/2019 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trương Công H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác M tại ông Trương Công M và bà Thái Thị C (là bố mẹ đẻ của anh H), địa chỉ: xóm 7, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị D và anh H. Tuy nhiên, ông M và bà C không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh H do anh H không cho ông bà biết; đến

nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh H liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh H trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông M và bà C vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, bị đơn anh Trương Công H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Công M và bà Thái Thị C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị D có lúc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Hà T và Trương Công B, có lúc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con gái là Trương Hà T, còn con trai Trương Công B thì để cho anh H và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/7/2021, chị Nguyễn Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D:

4.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Công H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị D và anh H chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau đó, vợ chồng không quan tâm đến nhau và không liên lạc với nhau. Đến nay, chị D không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trương Công H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

4.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Công H có 02 con chung là cháu Trương Hà T, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Trương Công B, sinh ngày 20/6/2015. Hiện nay, các cháu đang sống cùng với ông bà nội là ông Trương Công M và bà Thái Thị C tại nhà riêng của anh chị ở xóm 3A, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Trương Hà T và Trương Công B và không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng của người làm mẹ. Mặc dù, cháu Trương Hà T và Trương Công B do ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nhưng hiện nay chị D đang sống tại Việt Nam, có nghề nghiệp ổn định (chị D đang làm việc tại Công ty CP Thực phẩm Agrex Saigon, có thu nhập hơn 7 triệu đồng/ tháng), cháu T có nguyện vọng được ở cùng mẹ; cháu B đang còn

nhỏ nên cần thiết phải có sự chăm sóc của người mẹ. Anh H đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con cần giao 02 con chung Trương Hà T và Trương Công B cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do các cháu Trương Hà T và Trương Công B hiện đang ở cùng với ông bà nội của cháu là ông Trương Công M và bà Thái Thị C nên cần buộc ông M, bà C giao các cháu Trương Hà T và Trương Công B cho chị Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

4.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chi phí nuôi dưỡng, học hành của các cháu Trương Hà T và Trương Công B từ tháng 7/2019 đến nay, ông Trương Công M và bà Thái Thị C không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị D và anh H có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trương Công H.

2. Về con chung: Giao 02 cháu là Trương Hà T, sinh ngày 21/6/2011 và Trương Công B, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc ông Trương Công M và bà Thái Thị C (là bố mẹ đẻ của anh Trương Công H hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu B) giao cháu Trương Hà T, sinh ngày 21/6/2011 và cháu Trương Công B, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật.

Anh Trương Công H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Công H có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003956 ngày 18/3/2021.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Xuân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Anh Sơn**